

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-6-2022  
V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Đông

Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về Chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 7, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn 7, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 15, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn C trình bày:

Năm 2021 anh và chị Nguyễn Thị D đã ly hôn nhau theo quyết định số 43 ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên. Khi ly hôn anh và chị Nguyễn Thị D thỏa thuận có tài sản chung, để tự thỏa thuận phân chia nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Tài sản chung của anh và chị Nguyễn Thị D có 01 xe ô tô biển số 15C-325.06 trị giá khoảng 400.000.000 đồng và anh có vay chị Trần Ngọc L số tiền là 112.700.000 đồng năm 2021 để trả nợ chung là tiền vay để mua xe ô tô biển số 15C-325.06 năm 2019 và để giải chấp xe ô tô biển số 15C-325.06 năm 2021. Anh và chị Nguyễn Thị D không thỏa thuận với nhau để chia tài sản chung được. Nay anh làm đơn này đề nghị Tòa án chia tài sản chung của anh và chị Nguyễn Thị D sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, anh có nguyện vọng nhận xe ô tô để sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho chị Nguyễn Thị D, đối với khoản nợ chị Trần Ngọc L số tiền là 112.700.000 đồng anh sẽ trả khi có yêu cầu.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Kết luận định giá tài sản ngày 21/01/2022 xác định xe ô tô biển số 15C-325.06 trị giá 430.000.000 đồng. Nợ chung của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị D tại Hợp đồng tín dụng số LD1911238336 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân ngày 23/4/2021 là 112.700.000 đồng, ngày 23/4/2021 chị Trần Ngọc L (là em gái anh Trần Văn C) cho anh Trần Văn C vay số tiền 112.700.000 đồng để thanh toán khoản nợ này, ngày 26/4/2021 xe ô tô biển số 15C-325.06 được xoá thế chấp. Hiện anh Trần Văn C đang quản lý xe ô tô biển số 15C-325.06.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 33, 37, 38, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự: Chia đôi tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn và nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ chia tài sản sau khi ly hôn và lý do đề nghị Tòa án giải

quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được và bị đơn không có ý kiến nên thuộc trường hợp không phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp Chia tài sản sau khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật: Xác định tài sản chung của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị D gồm có 01 xe ô tô biển số 15C-325.06 trị giá 430.000.000 đồng và nợ chung của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị D tại Hợp đồng tín dụng số LD1911238336 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân là 112.700.000 đồng, ngày 23/4/2021 anh Trần Văn C đã tự vay chị Trần Thị Lan số tiền là 112.700.000 đồng để thanh toán khoản nợ chung này. Như vậy tổng giá trị tài sản chung của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị D sau khi ly hôn là (430.000.000 đồng - 112.700.000 đồng) bằng 317.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 317.300.000 đồng, nguyên đơn đề nghị được chia bằng hiện vật là xe ô tô biển số 15C-325.06, bị đơn không đưa ra quan điểm và xe ô tô biển số 15C-325.06 đang do nguyên đơn quản lý. Tài sản chung vợ chồng được chia đôi nhưng tính đến yếu tố hoàn cảnh của gia đình, công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung, bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên và lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy có thể chia đôi tài sản chung là phù hợp và giao cho nguyên đơn xe ô tô biển số 15C-325.06 và nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền là 158.650.000 đồng. Đối với số tiền 112.700.000 đồng mà nguyên đơn vay chị Trần Ngọc L để trả nợ chung thì chị Trần Ngọc L có quyền yêu cầu nguyên đơn là anh Trần Văn C trả nợ và được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà mình được chia.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chia tài sản sau khi ly hôn của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị D.

1.1. Giao cho anh Trần Văn C được quyền sở hữu xe ô tô biển số 15C-325.06 có số máy D4DBHJ655644, số khung RN1J1A178HLJ05578, loại xe tải có mui, đăng ký lần đầu ngày 16/4/2019 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng.

1.2. Anh Trần Văn C phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị D số tiền là 158.650.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 7.932.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn C phải chịu 7.932.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0007611 ngày 02 tháng 11 năm 2021; Anh Trần Văn C còn phải nộp 932.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**